

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng năm 2022

V/v báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai dịch bệnh; theo đó, tại điểm a khoản 4 Điều 4 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh: “*Bộ Tài chính căn cứ phân ngân sách địa phương thực chi để hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, xem xét hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương hàng năm cho từng địa phương*”.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ thiệt hại về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2022 của UBND các huyện, thị xã, thành phố (có bảng xác nhận KBNN kèm theo); UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kinh phí hỗ trợ về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2022 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí quyết toán : 8.645,500 triệu đồng;
 - Ngân sách Trung ương hỗ trợ (70%) : 6.051,850 triệu đồng;
 - Ngân sách địa phương đảm bảo (30%) : 2.593,650 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Nguồn kinh phí: Theo quy định tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai dịch bệnh thì Bình Định được ngân sách Trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương 70% kinh phí quyết toán. Do đó, UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương với số tiền **6.051,850 triệu đồng**.

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm, giải quyết./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Vụ Ngân sách NN - BTC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, NN&PTNT;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 01:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI TỪ NGÀY 30/3/2022 ĐẾN NGÀY 02/4/2022

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2022 của UBND tỉnh)

STT	Địa phương	TỔNG HỢP THIẾT HẠI											KINH PHÍ HỖ TRỢ					
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%					DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30% - 70%					Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó				
			Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)	Lúa thuần (ha)	Lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Ngô và rau màu (ha)	Cây công nghiệp (ha)		NS TW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền	
1	An Nhơn		16,380				0,150	216,740					250,100	175,070	75,030			
2	Hoài Nhơn		397,942			135,556	89,512	324,647				24,934	21,366	1.817,400	1.272,180	545,220		
3	Phù Cát		197,382			62,276	193,757	185,902				9,841	134,201	1.758,500	1.230,950	527,550		
4	Phù Mỹ		225,370			290,705	9,950	133,919				75,768	30,420	1.342,500	939,750	402,750		
5	Quy Nhơn		6,875					55,157	0,388					69,500	48,650	20,850		
6	Tây Sơn		106,970					241,341	7,727					466,900	326,830	140,070		
7	Tuy Phước		252,230					1.404,220						1.908,700	1.336,090	572,610		
8	Hoài Ân							151,750						151,800	106,260	45,540		
Tổng cộng			1.203,149			488,537	293,369	2.713,675	8,115			110,543	185,987	7.765,400	5.435,647	2.329,563		

PHỤ LỤC 02:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI TỪ NGÀY 30/3/2022 ĐẾN NGÀY 02/4/2022

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2022 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	TỔNG HỢP THIẾT HẠI											KINH PHÍ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Thiệt hại hơn 70%										Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP hỗ trợ (tr.đ)		
			Diện tích nuôi tôm quảng canh (ha)	Diện tích nuôi cá truyền thống, cá bản địa (ha)	Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh (ha)	Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh (ha)	Diện tích nuôi nhuyễn thể (ha)	Diện tích nuôi cá tra thâm canh (ha)	Lồng bè nuôi nước ngọt (100 m3)	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh (ha)	Diện tích nuôi cá nước lạnh thâm canh (ha)	Lồng bè nuôi trồng ngoài biển (100 m3)				Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác (ha)	
1	Hoài Nhơn					0,2794									7,000	4,900	2,100
	Tổng cộng					0,2794									7,000	4,900	2,100

PHỤ LỤC 03:
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT MUỐI ĐỀ KHỎI
PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI TỪ NGÀY 30/3/2022 ĐẾN NGÀY
02/4/2022

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2022 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	TỔNG HỢP THIẾT HẠI			KINH PHÍ HỖ TRỢ		
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70% (ha)	Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại từ 30% - 70% (ha)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó	
NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP bảo đảm (tr.đ)						
1	Phù Mỹ		48,34		72,500	50,750	21,750
2	Phù Cát		58,9571		88,400	61,880	26,520
	Tổng cộng		107,2971		160,900	112,630	48,270

PHỤ LỤC 04:**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CHĂN NUÔI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2018***(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2022 của UBND tỉnh)*

STT	Địa phương	TỔNG HỢP THIỆT HẠI											KINH PHÍ HỖ TRỢ				
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	Gia cầm đến 28 tuổi (con)	Gia cầm trên 28 ngày tuổi (con)	Lợn đến 28 ngày tuổi (con)	Lợn trên 28 ngày tuổi (con)	Lợn nái và lợn đực đang khai thác (con)	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi (con)	Bò sữa trên 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi (con)	Dê, cừu (con)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	NSTW hỗ trợ (tr.đ)	NSDP đảm bảo (tr.đ)	NS tỉnh (tr.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền (tr.đ)
1	Hoài Nhơn		1.669	14.639	172	216	-	-	-	4	4	-	712,200	498,540	213,660		
Tổng cộng			1.669	14.639	172	216	-	-	-	4	4	-	712,200	498,540	213,660		

PHỤ LỤC 05:

TỔNG HỢP KINH PHÍ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT THIÊN TAI DO THIÊN TAI GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Địa phương	Tổng kinh phí NSNN hỗ trợ			trong đó:											
					Cây trồng năm 2022			Nuôi thủy sản 2022			Sản xuất muối 2022			Chăn nuôi 2018		
		Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
1	An Nhơn	250,100	175,070	75,030	250,100	175,070	75,030									
2	Hoài Nhơn	2.536,600	1.775,620	760,980	1.817,400	1.272,180	545,220	7,000	4,900	2,100				712,200	498,540	213,660
3	Phù Cát	1.846,900	1.292,830	554,070	1.758,500	1.230,950	527,550				88,400	61,880	26,520			
4	Phù Mỹ	1.415,000	990,500	424,500	1.342,500	939,750	402,750				72,500	50,750	21,750			
5	Quy Nhơn	69,500	48,650	20,850	69,500	48,650	20,850									
6	Tây Sơn	466,900	326,830	140,070	466,900	326,830	140,070									
7	Tuy Phước	1.908,700	1.336,090	572,610	1.908,700	1.336,090	572,610									
8	Hoài Ân	151,800	106,260	45,540	151,800	106,260	45,540									
Tổng cộng		8.645,500	6.051,850	2.593,650	7.765,400	5.435,780	2.329,620	7,000	4,900	2,100	160,900	112,630	48,270	712,200	498,540	213,660